

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	15 - 54
8. Phụ lục	55 - 57

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn**Công ty mẹ**

Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005032, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 22 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước	46.220.020.000	19,26
Các cổ đông khác	193.779.980.000	80,74
Cộng	240.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
 Điện thoại : (84-8)38.641.885
 Fax : (84-8)38.642.060
 Website : www.tanimex.com.vn
 Mã số thuế : 0301464904

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban quản lý Khu công nghiệp Tân Bình	475 D Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	64 – 66 Trần Phú, phường 5, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Long An	Ấp Lộc An, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục mầm non;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: thu gom và vận chuyển rác thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành in, bao bì, nhựa, giấy, kim loại (trừ phế liệu, phế thải) và thiết bị máy móc phục vụ cho ngành sản xuất bao bì và ngành in;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị ngành in;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị, phụ liệu, phụ tùng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phương tiện giao thông vận tải. Bán buôn lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);

- Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiểu hời. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu. Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng. Kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng. Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác). Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Lắp dựng khung kèo thép. San lấp mặt bằng. Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải. Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh). Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Duy tu nạo vét cống rãnh. Sản xuất và mua bán nước tinh khiết. Sản xuất suất ăn công nghiệp. Dịch vụ rửa xe. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản. Đào tạo dạy nghề. Sửa chữa bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại. Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, rác, khí thải và các nhân tố gây ô nhiễm môi trường. Trồng rừng. Khai thác cát đen. Khai thác đất sét. Sản xuất gạch gó và nguyên vật liệu xây dựng. Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Tư vấn đấu thầu. Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế và dự toán. Khai thác và xử lý nước ngầm. Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại. Kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Cho thuê cao ốc văn phòng. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá sản giao dịch bất động sản. Quảng cáo. Kinh doanh bất động sản. Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) ^(a)	Số 405 Ấp Lộc Bình, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100776581 ngày 28 tháng 3 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An	100%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa) ^(b)	Lô IV Đường số 1 – Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310352650 ngày 14 tháng 10 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng	93/13 Nguyễn Hội, phường Phú Tài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400910908 ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	80%

^(a) Theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 5 năm 2014, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình đã thông qua phương án giải thể Công ty. Ngày 02 tháng 10 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đã ra Thông báo số 9904/14 về việc giải thể Công ty. Công ty mẹ đã ghi điều chỉnh giảm toàn bộ phần vốn đầu tư vào Tanima.

^(b) Theo Quyết định của Chủ sở hữu ngày 08 tháng 01 năm 2014, Công ty mẹ quyết định chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa) cho Ông Nguyễn Văn Ngươn với giá chuyển nhượng theo giá trị sổ sách của Tanisa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 54).

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đã phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/BBĐHĐCĐ-2014 ngày 17 tháng 01 năm 2014 như sau:

- Chia cổ tức (*)	46.314.160.000	VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	3.166.647.614	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	3.166.647.614	VND
- Trích quỹ khen thưởng	3.166.647.614	VND
- Trích quỹ phúc lợi	1.899.988.568	VND
- Trích quỹ chính sách xã hội	2.533.318.091	VND
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	900.000.000	VND
- Thưởng vượt kế hoạch Ban điều hành (15% lợi nhuận vượt)	373.038.200	VND

(*) Trong đó cổ tức đã tạm ứng được ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm trước là 23.098.374.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Trần Quang Trường	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Trần Thị Lan	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thanh Phương	Trưởng ban	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Minh Anh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm	25 tháng 3 năm 2014
Ông Trần Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	25 tháng 3 năm 2014
	Tổng Giám đốc	25 tháng 3 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Ngoãn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	25 tháng 3 năm 2014
Ông La Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc	25 tháng 3 năm 2014	-
Ông Lê Trọng Lập	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	25 tháng 3 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Quang Trường
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 30 tháng 12 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0823/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ
VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình, được lập ngày 04 tháng 11 năm 2014, từ trang 08 đến trang 54, bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất số 1.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình thuộc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình phát sinh doanh thu chủ yếu từ 3 hoạt động: cho thuê đất tại Khu công nghiệp, bán nền đất và bán chung cư. Từ năm 1998 đã bắt đầu phát sinh việc thu tiền thuê đất trong Khu công nghiệp trong khi chi phí về xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ cho hoạt động chưa phát sinh đầy đủ và tại thời điểm đó lại phát sinh các chi phí đền bù để di dời các hộ dân. Do vậy từ năm 2003 trở về trước Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình đã áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp "chuyển giao lô đất": doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần và giá vốn tại thời điểm đó là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải tỏa các hộ dân. Từ năm 2003 trở đi, sau khi đã tập hợp các chi phí liên quan đến hoạt động thuê đất, chi phí liên quan đến hoạt động bán nền và bán căn hộ chung cư thì hàng năm Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình ghi nhận doanh thu, giá vốn theo kế hoạch và từng bước điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp của từng hoạt động theo số liệu ước tính của Công ty.

Năm nay Công ty đã điều chỉnh lại doanh thu và chi phí của các hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp, bán nền đất và bán căn hộ chung cư đã ghi nhận từ các năm trước đây theo nguyên tắc được trình bày tại thuyết minh IV.23. Tuy nhiên Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà hạch toán hết vào Báo cáo tài chính năm nay. Nếu Công ty hạch toán điều chỉnh hồi tố theo đúng hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót" thì lợi nhuận trước thuế năm nay và năm trước sẽ lần lượt là 24.283.980.203 VND và 73.444.048.778 VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2014 và ngày 30 tháng 9 năm 2013 sẽ lần lượt là 98.780.948.140 VND và 141.465.054.607 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2014

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2013-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		498.592.249.022	501.052.867.814
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	245.979.015.534	224.312.707.861
1. Tiền		111		87.639.195.566	61.274.798.671
2. Các khoản tương đương tiền		112		158.339.819.968	163.037.909.190
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		63.106.468.274	24.026.576.745
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	63.106.468.274	24.026.576.745
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		28.102.712.474	24.583.091.790
1. Phải thu khách hàng		131	V.3	23.715.801.634	14.214.725.133
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	210.299.945	4.184.640.016
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.5	4.634.036.838	6.263.552.291
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.6	(457.425.943)	(79.825.650)
IV. Hàng tồn kho		140		156.612.642.551	227.124.289.111
1. Hàng tồn kho		141	V.7	156.612.642.551	227.124.289.111
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		4.791.410.189	1.006.202.307
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		5.250.000	5.541.665
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		9.990.207	55.982.444
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.23	3.927.954.453	1.822.416
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.8	848.215.529	942.855.782

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		472.954.413.738	462.580.189.584
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.738.256.469	53.267.020.892
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	40.156.803.600	55.973.870.898
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.10	(2.418.547.131)	(2.706.850.006)
II. Tài sản cố định	220		60.227.556.971	203.728.346.460
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	27.729.706.860	60.686.860.210
Nguyên giá	222		154.745.742.129	202.397.028.061
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.016.035.269)	(141.710.167.851)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	22.847.108.338	127.692.055.965
Nguyên giá	228		219.531.404.748	369.285.501.168
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(196.684.296.410)	(241.593.445.203)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	9.650.741.773	15.349.430.285
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	160.464.005.640	129.754.186.316
Nguyên giá	241		270.735.610.800	225.200.680.730
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(110.271.605.160)	(95.446.494.414)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80.053.335.643	66.936.065.100
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	66.430.597.654	53.313.331.311
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	15.165.717.115	15.165.717.115
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(1.542.979.126)	(1.542.983.326)
V. Tài sản dài hạn khác	260		134.471.259.015	8.894.570.816
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	134.216.259.015	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	8.639.570.816
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	255.000.000	255.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		971.546.662.760	963.633.057.398

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		411.389.453.119	437.503.625.736
I. Nợ ngắn hạn	310		219.839.406.337	130.817.410.043
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	43.930.001.100	33.203.194.745
2. Phải trả người bán	312	V.22	8.733.786.823	5.603.470.112
3. Người mua trả tiền trước	313		208.211	3.638.041.670
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	428.039.506	6.390.569.657
5. Phải trả người lao động	315	V.24	8.919.059.841	5.920.658.000
6. Chi phí phải trả	316	V.25	97.875.255.476	22.184.595.903
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	57.977.003.644	49.244.786.621
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	1.976.051.736	4.632.093.335
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		191.550.046.782	306.686.215.693
1. Phải trả dài hạn người bán	331		2.740.400.000	2.740.400.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.28	42.067.523.399	34.512.919.719
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	46.359.018.352	62.946.415.765
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.30	100.383.105.031	206.486.480.209
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		559.957.209.641	525.929.431.662
I. Vốn chủ sở hữu	410		559.957.209.641	525.929.431.662
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	92.948.707.864	90.352.800.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(16.016.112.446)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	99.294.137.021	96.232.128.286
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	25.378.301.811	22.237.813.916
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	102.336.062.945	93.122.741.906
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		200.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		971.546.662.760	963.633.057.398

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		73.815,20	165.282,31
Euro (EUR)		15.249,00	15.249,00
Yên Nhật (¥)		75.436,00	182.014,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểuNguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2014

Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	340.506.461.022	324.280.348.787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	112.521.543	75.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		340.393.939.479	324.205.348.787
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	187.963.599.476	187.739.570.437
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152.430.340.003	136.465.778.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	18.886.517.980	19.355.088.278
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	10.414.242.292	12.102.911.339
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.363.582.404	10.564.149.750
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	56.438.685.486	34.542.251.410
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	26.383.334.851	24.817.812.401
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.080.595.354	84.357.891.478
11. Thu nhập khác	31	VL.7	4.661.544.589	1.912.074.070
12. Chi phí khác	32	VL.8	100.449.871	2.252.018.696
13. Lợi nhuận khác	40		4.561.094.718	(339.944.626)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	V.16	8.823.309.556	1.760.057.143
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		91.464.999.628	85.778.003.995
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	10.524.239.977	19.872.354.928
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		8.639.570.816	873.727.734
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>72.301.188.835</u>	<u>65.031.921.333</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		72.301.188.835	65.031.921.333
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	<u>3.091</u>	<u>2.802</u>


Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng


Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		258.385.403.009	240.233.883.151
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(51.468.707.400)	(108.223.988.431)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.923.065.564)	(29.973.081.827)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.425.905.196)	(11.503.944.586)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.23	(16.768.581.080)	(26.753.298.955)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		54.794.923.825	98.374.133.401
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(106.116.062.254)	(134.868.262.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102.478.005.340	27.285.440.496
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(49.647.230.270)	(36.980.986.151)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		40.596.749.433	1.101.863.635
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(135.500.000.000)	(24.026.576.745)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		94.000.000.000	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.193.750.000)	(900.750.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5.039.700.000	18.704.828.025
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.166.499.483	19.338.652.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(46.538.031.354)	(14.762.969.123)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.31	18.611.960.310	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(3.114.565.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21, V.29	56.833.134.461	66.141.677.465
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21, V.29	(62.697.619.510)	(60.657.480.052)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(46.997.656.000)	(41.511.449.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.250.180.739)	(39.141.816.737)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		21.689.793.247	(26.619.345.364)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	224.312.707.861	250.911.037.155
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	(23.485.574)	21.016.070
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	245.979.015.534	224.312.707.861


Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng


Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ, thương mại, khai thác, khách sạn.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, mua bán hàng hoá, dịch vụ, khai thác đất, sản xuất gạch, dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ, khách sạn, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao và cơ sở thể thao, quảng cáo, nhà hàng, đại lý, môi giới, đấu giá.
4. **Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) (a)	Số 405 Ấp Lộc Bình, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa) (b)	Lô IV Đường số 1 – Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng	93/13 Nguyễn Hội, phường Phú Tài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	80%	80%

(a) Theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 5 năm 2014, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình đã thông qua phương án giải thể Công ty. Ngày 02 tháng 10 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đã ra Thông báo số 9904/14 về việc giải thể Công ty. Công ty mẹ đã ghi điều chỉnh giảm toàn bộ phần vốn đầu tư vào Tanima.

(b) Theo Quyết định của Chủ sở hữu ngày 08 tháng 01 năm 2014, Công ty mẹ quyết định chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa) cho Ông Nguyễn Văn Ngoãn với giá chuyển nhượng theo giá trị sổ sách của Tanisa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn ^(a)	631 – 633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	40%	40%
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)	Lô 6-1 cụm 6 đường M1, Khu Công nghiệp Tân Bình 2, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	45,96%	45,96%
Công ty cổ phần kính Tân Bình	Lô 6-1 cụm 6 đường M1, Khu Công nghiệp Tân Bình 2, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	25,48%	25,48%
Công ty cổ phần đầu tư Minh Phát	Lầu 4, toà nhà Tani – Office, số 475D đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	44,55%	44,55%
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)	Lầu 3, toà nhà Tani – Office, số 475D đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	36,01%	36,01%
Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú ^(b)	Lầu 2, toà nhà Tani – Office, số 475D đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	28,70%	28,70%
Công ty cổ phần giấy G.P	Lô J1 và J4, đường N2, D1, N1 Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	43%	43%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá trị	Lầu 2, toà nhà Tani – Office, số 475D đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	40%	40%

(a) Trong năm, Công ty mẹ đã thu hồi khoản đầu tư tại Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn theo Quyết định chấp thuận thực hiện thủ tục giải thể theo Luật doanh nghiệp số 23/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính.

(b) Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 09/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2014, Công ty mẹ quyết định thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú trong tháng 5 năm 2014.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 Tập đoàn có 195 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 240 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 31
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 07

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Nhà trên đất	08 - 30
Quyền sử dụng đất	46 - 50
Cơ sở hạ tầng	10 - 15

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng và kinh phí đền bù

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	50
San lấp mặt bằng	05 – 49
Kinh phí đền bù	05 – 48

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 31
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 07

9. Tài sản thuê hoạt động***Tập đoàn là bên cho thuê***

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Nhà trên đất	08 - 30
Quyền sử dụng đất	46 - 50
Cơ sở hạ tầng	10 - 15

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng và kinh phí đền bù

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	50
San lấp mặt bằng	05 – 49
Kinh phí đền bù	05 – 48

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của các Công ty trong tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn***Chi phí đền bù và san lấp mặt bằng***

Chi phí đền bù và san lấp mặt bằng cho khu công nghiệp mở rộng được phân bổ trong thời gian 48 năm kể từ năm 2010.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Nguồn vốn kinh doanh***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm cổ tức được công bố.

20. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ và Quyết định Đại hội cổ đông thường niên như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Mức trích lập hàng năm</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty mẹ	Tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- | | | |
|---|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">• Quỹ dự phòng tài chính• Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban quản lý điều hành | <p>Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
Bù đắp khoản lỗ của Công ty mẹ theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động</p> | <p>Tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> |
|---|--|---|

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trong đó bao gồm thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	30/9/2014:	21.195 VND/USD
		26.681 VND/EUR
		192,97 VND/JPY
	30/9/2013 :	21.080 VND/USD
		28.304 VND/EUR
		214,33 VND/JPY

23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê đất

Tại khu công nghiệp hiện hữu

Từ năm 2003 trở về trước, doanh thu được ghi nhận một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần. Giá vốn tương ứng là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải toả của các hộ dân.

Từ năm 2003 đến trước năm 2009, doanh thu ghi nhận theo kế hoạch. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Từ năm 2009 trở đi, doanh thu được ghi nhận dựa vào số thực thu theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Năm nay, Tập đoàn áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất” và đã điều chỉnh lại toàn bộ doanh thu của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 trở về trước theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Tập đoàn không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm nay.

Tại khu nghiệp mở rộng

Hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp mở rộng phát sinh từ năm 2010. Doanh thu được ghi nhận dựa trên cơ sở phân bổ giá trị thuê đất trên hợp đồng cho thuê theo số phân kỳ thu. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Đến năm 2012, chi phí đền bù được khấu hao theo thời gian thuê đất trên hợp đồng thuê.

Năm nay, Tập đoàn áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu hàng năm dựa trên thời gian thuê đất trên hợp đồng thuê và đã điều chỉnh lại doanh thu và giá vốn của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Tập đoàn không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm nay.

Đối với đất xây dựng kho xưởng cho thuê, doanh thu ghi nhận phù hợp với hợp đồng cho thuê. Giá vốn bao gồm: chi phí đền bù và san lấp mặt bằng được phân bổ theo thời gian thuê đất (48 năm) và các tài sản trên đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao 05-07 năm.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.9

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Tại khu công nghiệp hiện hữu

Từ năm 2003 trở về trước, doanh thu được ghi nhận một lần theo phương pháp "chuyển giao lô đất": doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên mua và thanh toán tiền một lần. Giá vốn tương ứng là các chi phí liên quan đến việc đền bù thực tế phát sinh.

Từ năm 2003 trở đi, đối với các hợp đồng bán nền đất phát sinh trước năm 2010, doanh thu bán nền đất được ghi nhận sau khi chuyển giao quyền sở hữu trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng. Giá vốn tương ứng được phân bổ theo doanh thu kế hoạch với tỷ lệ giữa số dư chi phí sản xuất dở dang so với số dư doanh thu nhận trước và tiền ký quỹ mua đất tại đầu năm tài chính.

Đối với các hợp đồng bán nền đất phát sinh từ năm 2010 trở đi, doanh thu nền đất chưa được ghi nhận mặc dù đã có biên bản bàn giao đất cho khách hàng. Toàn bộ vẫn đang theo dõi trên doanh thu nhận trước.

Năm nay, Tập đoàn áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp "chuyển giao lô đất" và đã điều chỉnh lại toàn bộ doanh thu của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 trở về trước theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Tập đoàn không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm nay.

Tại khu công nghiệp mở rộng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

24. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

25. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản nợ phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

0500
CỔ
PHÂN H
ẨM TÔI
A
ĐINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

26. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.844.252.568	4.768.643.842
Tiền gửi ngân hàng ⁽ⁱ⁾	81.794.942.998	56.506.154.829
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	158.339.819.968	163.037.909.190
Cộng	245.979.015.534	224.312.707.861

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng để chờ đến bù tái định cư là 46.084.764.581 VND. Ngoài ra, một khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị sổ sách 96.338.601 VND đã bị hạn chế rút tiền để ký quỹ phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản sét gạch ngói tại Long An.

⁽ⁱⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm.

Trong đó một chứng chỉ tiền gửi 12 tháng trị giá 6.386.468.274VND của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 (số đầu năm là 5.806.576.745 VND).

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	23.715.801.634	14.034.179.133
Các công ty con	-	180.546.000
Cộng	23.715.801.634	14.214.725.133

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	210.299.945	4.109.036.329
Các công ty con	-	75.603.687
Cộng	210.299.945	4.184.640.016

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền cho mượn	90.000.000	210.000.000
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	2.584.212.687	1.561.772.969
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản	1.324.030.984	3.532.766.707
Phải thu lãi kích cầu	-	331.370.880
Phải thu khác	635.793.167	627.641.735
Cộng	4.634.036.838	6.263.552.291

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	457.425.943	79.825.650
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	48.772.305	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	5.029.614	29.128.150
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	403.624.024	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	-	50.697.500
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	457.425.943	79.825.650

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	79.825.650	156.909.000
Trích lập dự phòng bổ sung	377.600.293	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(77.083.350)
Số cuối năm	457.425.943	79.825.650

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	709.877.274	1.035.023.453
Công cụ, dụng cụ	-	21.134.545
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	155.866.662.486	207.580.809.026
Thành phẩm	-	1.335.703.439
Hàng hóa bất động sản	36.102.791	17.151.618.648
Cộng	156.612.642.551	227.124.289.111

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	150.371.500	307.049.805
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	697.844.029	635.805.977
Cộng	848.215.529	942.855.782

9. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu các khách hàng tại Công ty mẹ.

10. Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	2.218.547.131	2.706.850.006
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	288.302.875
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	2.218.547.131	2.418.547.131
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	200.000.000	-
Cộng	2.418.547.131	2.706.850.006

Tình hình biến động dự phòng phải thu dài hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.706.850.006	2.239.550.131
Trích lập dự phòng trong năm	-	467.299.875
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(288.302.875)	-
Số cuối năm	2.418.547.131	2.706.850.006

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm trang 55.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	San lấp mặt bằng	Kinh phí đền bù	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.091.536.016	84.218.125.350	258.888.389.802	87.450.000	369.285.501.168
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.048.414.973)	-	(3.048.414.973)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(27.510.846.794)	(119.194.834.653)	-	(146.705.681.447)
Số cuối năm	26.091.536.016	56.707.278.556	136.645.140.176	87.450.000	219.531.404.748
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	56.707.278.556	136.645.140.176	87.450.000	193.439.868.732
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.790.988.206	76.265.238.181	162.449.768.816	87.450.000	241.593.445.203
Tăng trong năm	598.737.631	-	747.066.380	-	1.345.804.011
Phân loại lại	145.298.159	-	-	-	145.298.159
Khấu hao trong năm	453.439.472	-	747.066.380	-	1.200.505.852
Giảm trong năm	(145.298.159)	(19.557.959.625)	(26.551.695.020)	-	(46.254.952.804)
Thanh lý, nhượng bán	(145.298.159)	-	(689.456.645)	-	(834.754.804)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(19.557.959.625)	(25.862.238.375)	-	(45.420.198.000)
Số cuối năm	3.244.427.678	56.707.278.556	136.645.140.176	87.450.000	196.684.296.410
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.300.547.810	7.952.887.169	96.438.620.986	-	127.692.055.965
Số cuối năm	22.847.108.338	-	-	-	22.847.108.338
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm trang 56.

14. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.265.500.000	208.935.180.730	225.200.680.730
Mua sắm mới	-	385.000.000	385.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	43.886.648.928	43.886.648.928
Tăng khác	-	1.263.281.142	1.263.281.142
Số cuối năm	16.265.500.000	254.470.110.800	270.735.610.800
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.365.210.659	94.081.283.755	95.446.494.414
Khấu hao trong năm	325.310.000	16.934.779.294	17.260.089.294
Phân loại lại	(145.298.159)	(2.602.387.031)	(2.747.685.190)
Số cuối năm	1.545.222.500	108.726.382.660	110.271.605.160
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.900.289.341	114.853.896.975	129.754.186.316
Số cuối năm	14.720.277.500	145.743.728.140	160.464.005.640

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 137.758.854.663 VND và 101.443.179.578 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2014, Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý (giá trị thị trường) của các bất động sản đầu tư trên. Danh mục bất động sản đầu tư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình			
Cụm kho xưởng 01 và 03 nhóm 01 từ kho 01 đến kho 08	35.934.329.141	29.713.444.917	6.220.884.224
Nhà lưu trú công nhân	2.823.762.438	1.647.300.359	1.176.462.079
Trường mầm non - Chung cư Tây Thạnh	6.072.835.480	6.072.835.480	-
Kho số 09 nhóm 01 cụm 02	4.252.244.340	3.291.398.916	960.845.424
Kho số 18 cụm 06 Khu công nghiệp mở rộng	18.965.176.382	10.904.976.431	8.060.199.951
Kho số 06, 07, 08 cụm 06 nhóm 02	1.646.689.657	1.646.689.657	-
Kho số 08, 09, 10, 11 cụm 02 Khu công nghiệp mở rộng	38.133.285.009	16.463.679.959	21.669.605.050
Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động	1.669.120.527	222.549.403	1.446.571.124
Trường THPT Sơn Kỳ	37.043.720.637	7.227.449.762	29.816.270.875
Cụm sân tennis nhóm 1	2.152.619.905	2.152.619.905	-
02 sân bóng đá mini và công viên cây xanh cụm 03 nhóm 02	1.681.506.303	1.041.294.646	640.211.657
Trạm cấp nước 10 m ³ /giờ	1.100.748.212	1.100.748.212	-
Trạm cấp nước số 02	1.008.803.169	1.008.803.169	-
Trạm cấp nước số 03	1.593.370.453	1.593.370.453	-
Giá trị xây lắp văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	23.987.847.562	1.313.791.650	22.674.055.912
Hệ thống điều hoà văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	4.882.393.384	1.068.023.552	3.814.369.832
Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét văn phòng	915.917.364	321.051.531	594.865.833
Trạm biến thế và máy phát điện văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	2.541.916.363	544.696.363	1.997.220.000
Hệ thống thang máy văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	866.818.182	131.148.992	735.669.190
Nội thất văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	1.110.014.249	328.097.003	781.917.246
Hệ thống âm thanh, camera văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	701.292.678	210.387.804	490.904.874
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 01	1.225.826.991	142.894.851	1.082.932.140
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 01	12.474.498.961	722.836.220	11.751.662.741

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 02	1.308.337.906	86.916.627	1.221.421.279
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 02	12.505.593.953	410.390.413	12.095.203.540
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 03	13.046.580.318	108.721.503	12.937.858.815
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 03	1.386.713.979	19.259.916	1.367.454.063
Tại Văn phòng Công ty			
Nhà văn phòng 80 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình	789.720.698	652.182.272	137.538.426
Nhà văn phòng 103 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình	425.543.401	271.789.502	153.753.899
Chi phí sửa chữa nâng cấp nhà 103 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình	202.808.182	114.079.604	88.728.578
Cửa hàng 01A, quốc lộ 22, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn	354.426.778	354.426.778	-
Nhà văn phòng 161/2, quốc lộ 22, xã Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn	313.171.894	313.171.894	-
Công trình xí nghiệp Giấy Tanimex 2 1333 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú	13.870.774.781	13.870.774.781	-
Biệt thự Vũng Tàu 64 - 66 Trần Phú, phường 5, TP.Vũng Tàu	4.597.122.600	2.183.633.235	2.413.489.365
Chi phí xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản - Khu biệt thự Vũng Tàu	471.613.000	102.182.816	369.430.184
Nhà ăn mở rộng Tanimex	125.191.818	57.153.540	68.038.278
Xây dựng nhà xưởng Tanimex	1.138.089.324	458.315.277	679.774.047
Nhà số 79 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình	69.524.547	59.428.218	10.096.329
Nhà số 81 - 83 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình	503.203.899	366.810.669	136.393.230
Nhà số 97 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình	338.017.542	253.018.374	84.999.168
Nhà số 11 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình (Địa chỉ mới: 518)	238.938.793	174.038.006	64.900.787
Quyền sử dụng đất biệt thự Vũng Tàu 64 - 66 Trần Phú, phường 5, TP.Vũng Tàu	16.265.500.000	1.545.222.500	14.720.277.500
Cộng	270.735.610.800	110.271.605.160	160.464.005.640

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	121.493.651.362	137.262.431.491
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	17.465.280.249	18.393.277.641
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) ^(a)	Khai thác đất, sản xuất gạch, dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ	5.000.000.000	-	100%
Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng ^(b)	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, dịch vụ phục vụ đồ uống	1.000.000.000	80%	80%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa) ^(c)	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao, hoạt động của các cơ sở thể thao, quảng cáo, nhà hàng, đại lý, môi giới, đấu giá	3.000.000.000	-	100%

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100776581 thay đổi lần thứ 03 ngày 20 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) 5.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm, Tanima đã giải thể và Công ty mẹ đã ghi điều chỉnh giảm toàn bộ phần vốn đầu tư vào Tanima.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400910908 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Công ty mẹ đã đầu tư vào Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng 800.000.000 VND tương đương 80% vốn điều lệ.

(c) Theo Quyết định của Chủ sở hữu ngày 08 tháng 01 năm 2014, Công ty mẹ quyết định chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa) cho Ông Nguyễn Văn Ngươn với giá chuyển nhượng theo giá trị sổ sách của Tanisa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn ^(a)	-	-	3.600.000	5.313.810.520
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình ^(b)	919.125	11.008.519.225	612.750	6.202.639.681
Công ty cổ phần kính Tân Bình ^(c)	-	-	290.000	387.969.242
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát ^(d)	1.470.000	15.771.783.697	1.470.000	15.494.047.328

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice) ^(a)	1.800.350 28.390.294.732	1.800.350 25.484.364.540
Công ty cổ phần giấy An Phú ^(f)	- -	43.050 430.500.000
Công ty cổ phần giấy G.P ^(g)	726.000 7.260.000.000	- -
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá trị ^(h)	400.000 4.000.000.000	- -
Cộng	66.430.597.654	53.313.331.311

(a) Trong năm, Công ty mẹ đã thu hồi khoản đầu tư tại Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn theo Quyết định chấp thuận thực hiện thủ tục giải thể theo Luật doanh nghiệp số 23/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592598 thay đổi lần thứ 03 ngày 03 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty mẹ đã đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình 5.700.000.000 VND, tương đương 47,50% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình có tăng vốn điều lệ từ 12.900.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND, vì vậy Công ty mẹ đã góp thêm 3.063.750.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình là 45,95%.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310667805 thay đổi lần thứ 03 ngày 28 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty mẹ đã đầu tư vào Công ty cổ phần kính Tân Bình 2.900.000.000 VND, tương đương 25,48% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty cổ phần kính Tân Bình đang tiến hành thủ tục giải thể.

(d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311640972 thay đổi lần thứ 05 ngày 06 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty mẹ đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát 14.700.000.000 VND, tương đương 44,545% vốn điều lệ.

(e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304563607 ngày 09 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty mẹ đã đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice) 22.108.298.000 VND, tương đương 36,01% vốn điều lệ.

(f) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312301316 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú 2.870.000.000 VND, tương đương 28,7% vốn điều lệ. Theo Biên bản Đại hội cổ đông năm 2013 số 04/BB-DHĐCD-AP/2013 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ VND lên thành 11,5 tỷ VND và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ vào Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú vẫn không đổi. Tuy nhiên, theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 09/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2014, Công ty mẹ quyết định thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú trong tháng 5 năm 2014.

(g) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702245743 ngày 03 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty cổ phần giấy G.P 33.000.000.000 VND, tương đương 33,00% vốn điều lệ. Theo Biên bản họp HĐQT số 07/BBHQDT-2014 ngày 19 tháng 5 năm 2014, Công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào Công ty cổ phần giấy G.P 10.000.000.000 VND, nâng tỷ lệ góp vốn lên 43,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ đã đầu tư với số tiền là 7.260.000.000 VND theo kế hoạch góp vốn đợt 01. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 35.740.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (h) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312910290 ngày 29 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giá trị 4.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Đầu tư trong năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Chia cổ tức	Giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn (*)	5.313.810.520	-	-	-	(5.313.810.520)	-
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex	6.202.639.681	3.063.750.000	1.742.129.544	-	-	11.008.519.225
Công ty cổ phần kinh Tân Bình	387.969.242	-	(387.969.242)	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	15.494.047.328	-	1.580.744.007	(1.139.250.000)	(163.757.638)	15.771.783.697
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình	25.484.364.540	-	5.888.405.247	(2.340.455.000)	(642.020.055)	28.390.294.732
Công ty cổ phần giấy An Phú	430.500.000	1.549.800.000	-	-	(1.980.300.000)	-
Công ty cổ phần giấy G.P	-	7.260.000.000	-	-	-	7.260.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá trị	-	4.000.000.000	-	-	-	4.000.000.000
Cộng	53.313.331.311	15.873.550.000	8.823.309.556	(3.479.705.000)	(8.099.888.213)	66.430.597.654

(*) Lỗ do thanh lý khoản đầu tư là 1.641.810.520 VND và giá trị thu hồi khi thanh lý là 3.672.000.000 VND.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	05	15.189	05	15.189
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương	568.521	4.669.841.614	568.521	4.669.841.614
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	03	60.312	03	60.312
Công ty cổ phần lương thực Nam Trung Bộ	120.000	8.020.000.000	120.000	8.020.000.000
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics	-	2.371.500.000	-	2.371.500.000
Công ty cổ phần Tân Bình	-	104.300.000	-	104.300.000
Cộng		15.165.717.115		15.165.717.115

- (a) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 412022000355 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2011 do Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty mẹ đã đầu tư vào Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics 2.371.500.000 VND tương đương 15% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư đủ theo Giấy chứng nhận đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (b) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 509/BKHĐT-ĐTRNN ngày 02 tháng 3 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty mẹ đã đầu tư vào Công ty cổ phần Tân Bình 104.300.000 VND.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.542.983.326	3.257.663.317
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.421.309.400
Hoàn nhập dự phòng	(4.200)	-
Giảm do thanh lý các khoản đầu tư	-	(3.135.989.391)
Cộng	1.542.979.126	1.542.983.326

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí mở bán căn hộ chung cư Sơn Kỳ 1	Chi phí hạ tầng khu mở rộng	Cộng
Số đầu năm	-	-	-
Phát sinh tăng trong năm	342.368.999	2.023.815.707	2.366.184.706
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình	-	101.883.454.010	101.883.454.010
Điều chỉnh giảm giá vốn những năm trước	-	33.094.708.999	33.094.708.999
Phân bổ trong năm	-	(3.128.088.700)	(3.128.088.700)
Số cuối năm	342.368.999	133.873.890.016	134.216.259.015

20. Tài sản dài hạn khác
Khoản ký quỹ dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	27.991.301.100	14.447.888.736
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	305.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.29)	15.938.700.000	18.449.706.009
Cộng	43.930.001.100	33.203.194.745

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để thanh toán các khoản tiền mua hàng trong năm với lãi suất được qui định cho mỗi lần nhận nợ, thời hạn vay tối đa là 06 tháng cho mỗi lần nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá phát sinh	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	14.447.888.736	27.991.301.100	-	-	(14.447.888.736)	27.991.301.100
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	305.600.000	-	-	-	(305.600.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	18.449.706.009	-	9.448.700.000	3.893.991	(11.963.600.000)	15.938.700.000
Cộng	33.203.194.745	27.991.301.100	9.448.700.000	3.893.991	(26.717.088.736)	43.930.001.100

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	8.733.786.823	5.592.665.452
Các công ty con	-	10.804.660
Cộng	8.733.786.823	5.603.470.112

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số được cân trừ</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Điều chỉnh thoái vốn tại Công ty Tanisa</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.783.351.074	9.902.347.681	-	(11.297.676.149)	(13.385.463)	374.637.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	4.457.216.503	10.524.239.977	(3.127.495.303)	(15.909.766.838)	(13.054.388)	(4.068.860.049)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	80.960.258	918.759.580	-	(858.814.242)	-	140.905.596
Thuế thu nhập cá nhân	67.219.406	1.641.000.032	-	(1.644.907.378)	(9.909.697)	53.402.363
Tiền thuế đất	-	345.340.173	-	(345.340.173)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	408.917.893	-	(408.917.893)	-	-
Cộng	6.388.747.241	23.740.605.336	(3.127.495.303)	(30.465.422.673)	(36.349.548)	(3.499.914.947)

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phí duy tu, phí tiện ích công cộng và tiền sử dụng đất	Không chịu thuế
- Hoạt động cung cấp nước sinh hoạt; hàng nông sản	05%
- Thuê mặt bằng, kho xưởng; bán gạch và vận chuyển; nền đất ưu đãi; cho thuê cây xanh; cho thuê sân tennis và các hoạt động khác,...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25% từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 áp dụng thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các Công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bán giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Phải trả người lao động**

Lương tháng 13 và lương hiệu quả kinh doanh phải trả người lao động.

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí duy tu bảo dưỡng	23.668.017.610	22.170.211.138
Chi phí phải trả khác	74.207.237.866	14.384.765
Cộng	97.875.255.476	22.184.595.903

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn	47.271.976	37.403.276
Cổ tức phải trả	517.260.300	430.964.300
Tiền đặt cọc mua chung cư Sơn Kỳ	3.347.025.261	120.000.000
Chi phí thuê đất Thoại Ngọc Hầu	1.741.580.512	-
Phí bảo trì chung cư	2.268.030.105	1.921.315.763
Tiền đền bù tái định cư	46.084.764.581	43.571.305.053
Phí duy tu hạ tầng	229.048.122	154.778.031
Phải trả khác	3.742.022.787	3.009.020.198
Cộng	57.977.003.644	49.244.786.621

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập quỹ trong năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.023.461.969	3.539.685.814	84.550.000	(1.925.619.159)	(3.100.000.000)	1.622.078.624
Quỹ phúc lợi	1.524.680.889	4.433.306.659	157.999.000	(8.490.056.754)	3.100.000.000	725.929.794
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	83.950.477	900.000.000	-	(1.355.907.159)	-	(371.956.682)
Cộng	4.632.093.335	8.872.992.473	242.549.000	(11.771.583.072)	-	1.976.051.736

28. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh - vốn do Ngân sách cấp về việc xây dựng trạm biến áp điện tại Khu công nghiệp Tân Bình	-	220.396.023
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	41.923.805.938	30.050.309.486
Phải trả dài hạn khác	143.717.461	4.242.214.210
Cộng	42.067.523.399	34.512.919.719

29. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	41.285.018.352	55.842.815.765
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 12 ⁽ⁱⁱ⁾	5.074.000.000	7.103.600.000
Cộng	46.359.018.352	62.946.415.765

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại Lô 6 – 1, cụm 6, đường M1, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 72/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 6 năm 2008.
 - Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại cụm 2, đường M14, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 39/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2009.
 - Công trình xây dựng, máy móc thiết bị trên đất thuộc dự án “Trường trung học Sơn Kỳ”.
 - Máy ghép đùn và máy in ống 8 màu hiện đã được chuyển giao quyền sở hữu cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương nhưng vẫn đứng tên Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ Tân Bình để thế chấp với Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình và đã được ba bên thống nhất trong phụ kiện số 01 ngày 14 tháng 8 năm 2013 của hợp đồng mua bán số 01/HDMBTS-2013 ngày 27 tháng 02 năm 2013.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Tân Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án “Nhà máy xử lý nước thải – giai đoạn 02” và một chứng chỉ tiền gửi 12 tháng trị giá 6.386.468.274 VND (số đầu năm là 5.806.576.754 VND).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	15.938.700.000	18.449.706.009
Trên 01 năm đến 05 năm	39.111.944.000	57.595.174.774
Trên 05 năm	7.247.074.352	5.351.240.991
Tổng nợ	62.297.718.352	81.396.121.774

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	62.946.415.765	67.644.853.332
Số tiền vay trong năm	28.841.833.361	22.587.970.000
Số tiền vay trả trong năm	(35.980.530.774)	(6.960.000.000)
Số kết chuyển	(9.448.700.000)	(20.326.407.567)
Số cuối năm	46.359.018.352	62.946.415.765

30. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuế đất	91.826.038.489	124.804.574.119
Tiền chung cư	8.418.466.542	6.980.691.980
Tiền nền đất	138.600.000	74.030.959.566
Tiền căn hộ nhận trước	-	670.254.544
Cộng	100.383.105.031	206.486.480.209

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**31. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 03 đính kèm trang 57.

Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	22.689.767.400	23.235.557.200
Xử lý cổ tức những năm trước không nhận	-	68.972.400
Tạm ứng cổ tức năm nay	23.868.166.000	18.275.891.950
Cần trừ công nợ	-	4.600.000.000
Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân	439.722.600	222.482.050
Cộng	46.997.656.000	46.402.903.600

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	931.840
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	931.840
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	23.068.160
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	23.068.160
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	340.506.461.022	324.280.348.787
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	37.373.052.509	87.383.602.946
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	320.023.635	737.249.997
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	152.461.384.497	97.048.076.515
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	150.352.000.381	139.111.419.329
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(112.521.543)	(75.000.000)
Doanh thu thuần	340.393.939.479	324.205.348.787
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	37.373.052.509	87.383.602.946
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	320.023.635	737.249.997
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	152.461.384.497	96.973.076.515
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản</i>	150.239.478.838	139.111.419.329

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	40.109.078.944	84.120.736.917
Giá vốn bán thành phẩm	424.207.984	770.944.908
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.185.269.804	25.460.713.310
Giá vốn kinh doanh bất động sản	132.245.042.744	77.387.175.302
Cộng	187.963.599.476	187.739.570.437

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	10.343.717.800	14.771.957.310
Lãi tiền cho vay	-	76.666.667
Cổ tức, lợi nhuận được chia	627.756.886	339.447.364
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.040.841	21.130.941
Lãi phạt trả chậm	6.504.815.214	3.545.885.996
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu	1.400.000.000	600.000.000
Lãi thanh lý đầu tư	187.239	-
Cộng	18.886.517.980	19.355.088.278

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.363.582.404	10.564.149.750
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	393.247.027	21.452.572
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.485.574	127.198.534
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(4.200)	1.421.309.400
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	3.622.110.520	-
Chi phí tài chính khác	11.820.967	(31.198.917)
Cộng	10.414.242.292	12.102.911.339

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	7.400.659.376	7.977.327.894
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	944.678.228	304.654.347
Chi phí khấu hao	20.112.723.479	3.355.060.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.147.854.168	11.363.923.792
Chi phí khác	8.832.770.235	11.541.284.419
Cộng	56.438.685.486	34.542.251.410

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	18.383.919.528	16.966.460.375
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	-	14.845.587
Chi phí đồ dùng văn phòng	279.742.874	581.839.347
Chi phí khấu hao	2.375.117.716	3.471.132.715

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	957.389.362	587.782.377
Chi phí khác	4.387.165.371	3.195.752.000
Cộng	26.383.334.851	24.817.812.401
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	159.090.090	1.273.228.469
Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc	-	237.925.457
Thu tiền thanh lý vật tư	-	40.909.091
Kết chuyển lãi phải trả ngân hàng do Công ty xuất nhập khẩu Hóc Môn bản giao năm 2002	4.165.375.248	-
Thu nhập khác	337.079.251	360.011.053
Cộng	4.661.544.589	1.912.074.070
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	635.914.482
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ nhượng bán, thanh lý	99.338.816	-
Tiền phạt truy thu thuế	-	1.592.666.025
Chi phí khác	1.111.055	23.438.189
Cộng	100.449.871	2.252.018.696
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.301.188.835	65.031.921.333
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	72.301.188.835	65.031.921.333
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm ^(*)	23.387.825	23.205.538
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.091	2.802
^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	23.068.160	23.246.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	319.665	(40.462)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.387.825	23.205.538

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập với các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.615.825.000	4.018.200.000
Thưởng	44.000.000	42.000.000
Khác	377.940.000	406.050.000
Cộng	4.037.765.000	4.466.250.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá trị	Công ty liên kết
Công ty cổ phần giấy An Phú	Công ty liên kết
Công ty cổ phần giấy G.P	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)	Năm nay	Năm trước
Mua nhiên liệu, dịch vụ cây xanh, ăn uống và các dịch vụ khác	1.478.241.172	197.292.478
Phí ủy thác chung cư, kho xưởng, nhà lưu trú	1.284.000.000	1.224.000.000
Trả tiền kỳ quỹ thuê kho xưởng	-	1.314.354.393
Tiền cho thuê kho, thuê văn phòng	998.377.361	1.147.523.308
Tiền thuê đất	9.837.257.997	4.237.826.289
Cho thuê tài sản tiện ích công cộng	-	547.830.180
Phải thu tiền lãi vay	-	14.166.667
Phải thu tiền quảng cáo	-	19.090.909
Hoàn trả tiền thuế lãi cho vay	-	46.005.558
Tiền điện	188.250.536	135.673.240
Xử lý nước thải	55.304.454	65.802.347
Chi phí vé máy bay công tác	53.022.727	41.046.000
Thuê trạm nước	72.000.000	72.000.000
Phải thu phí giao dịch thành công qua sản	14.545.455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu phí duy tu cơ sở hạ tầng	608.080.494	-
Thu phí thu gom vận chuyển rác	68.773.776	-
Cho thuê hội quán	125.658.000	-
Chi phí thuê xe, mua vỏ xe, hàng hóa khác	47.109.355	-

**Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình
Tanimex (Tanicons)**

Phải trả chi phí thi công các công trình	45.980.817.266	23.027.327.113
Cho thuê đất	1.769.841.107	372.439.570
Phải thu tiền cho thuê mặt bằng	147.119.400	-
Cho thuê nhà lưu trú công nhân	-	1.727.273
Tiền điện	115.632.868	12.888.916
Phải thu tiền tài trợ quảng cáo	-	10.000.000
Phải thu tiền bán gạch	301.920.909	-
Phải thu tạm ứng vay mua tài sản	4.000.000.000	-
Phải trả chi phí sửa chữa	337.293.637	-
Thu phí duy tu cơ sở hạ tầng	94.349.640	-
Cho thuê xe cẩu điện	42.516.000	-

Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn

Tiền điện	5.525.130	3.654.172
-----------	-----------	-----------

Công ty cổ phần kính Tân Bình

Cho thuê kho xưởng	-	2.383.707.641
Phí xử lý nước thải	20.993.170	20.990.461
Tiền lãi trả chậm	-	672.828.872
Cho thuê máy cưa lực	-	1.200.000.000

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh**Phát**

Mua hàng hóa	27.966.477.875	42.454.134.302
Cho thuê kho xưởng, văn phòng	-	450.000.000
Phí ủy thác cho thuê kho xưởng	2.848.441.654	2.488.037.498
Cho thuê đất	-	75.000.000
Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại kho	-	-
Sóng Thần	-	4.700.000.000
Tiền thanh lý xe hơi	-	227.272.727
Phải trả phí lập dự án kho xưởng	68.800.000	152.000.000
Phí tư vấn phải trả	175.000.000	175.000.000
Cho thuê văn phòng	239.536.500	125.307.000
Tiền điện	43.442.376	29.407.800

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá Trị

Phải thu tiền bán dây chuyền máy cưa lực kính	4.000.000.000	-
---	---------------	---

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình		
Tanimex (Taniservice)		
Tiền điện phải thu	15.681.292	24.641.760
Tiền thuê đất phải thu	6.213.054.128	-
Công ty cổ phần kính Tân Bình		
Tanimex (Tanicons)		
Phải thu tiền máy móc thiết bị	1.900.000.000	5.298.070.433
Phải thu tiền cho thuê máy cưa lực	-	1.320.000.000
Thuê kho xưởng	-	2.989.841.826
Phải thu tiền lãi trả chậm	-	47.704.359
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình		
Tanimex (Tanicons)		
Ứng trước tiền công trình	-	1.933.671.280
Tiền bán gạch, đinh phải thu	332.113.000	-
Tiền điện phải thu	25.806.748	-
Tiền thuê đất phải thu	1.493.951.914	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát		
Tiền điện phải thu	3.783.340	5.010.720
Phải thu tiền chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại kho Sóng Thần	-	1.034.000.000
Tiền lúa mỳ phải thu do thanh toán dư	24.823.225	-
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Tiền điện phải thu	-	736.456
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá Trị		
Tiền bán dây chuyển máy cưa lực kính phải thu	4.400.000.000	-
Cộng nợ phải thu	14.409.213.647	12.653.676.834
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình		
Tanimex (Taniservice)		
Phải trả chi phí vé máy bay công tác	-	41.046.000
Phải trả phí quản lý chung cư	26.309.444	121.492.710
Phí dịch vụ phải trả	56.088.162	-
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình		
Tanimex (Tanicons)		
Tiền sửa chữa phải trả	199.737.000	-
Tiền thi công công trình phải trả	5.691.474.317	-
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Phải trả tiền giữ hộ	50.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát		
Phải trả phí ủy thác kho xưởng	463.522.706	290.797.355
	6.487.131.629	453.336.065

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: bán hàng hóa (Nguyên liệu đất sét, lúa mỳ).
- Lĩnh vực 02: bán thành phẩm (Đất, gạch).
- Lĩnh vực 03: cung cấp dịch vụ (Dịch vụ quảng cáo, thu phí giao dịch đầu tư qua sàn).
- Lĩnh vực 04: kinh doanh bất động sản (Cho thuê đất, nhà ở, hạ tầng khu công nghiệp; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực bán thành phẩm	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	37.373.052.509	320.023.635	152.461.384.497	150.239.478.838	340.393.939.479
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.373.052.509	320.023.635	152.461.384.497	150.239.478.838	340.393.939.479
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.736.026.435)	(104.184.349)	137.276.114.693	17.994.436.094	152.430.340.003
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(82.822.020.337)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					69.608.319.666
Doanh thu hoạt động tài chính					18.886.517.980
Chi phí tài chính					(10.414.242.292)
Thu nhập khác					4.661.544.589
Chi phí khác					(100.449.871)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					8.823.309.556
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(10.524.239.977)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(8.639.570.816)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					72.301.188.835
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.281.998.649	53.792.450	25.627.080.134	25.253.602.255	57.216.473.488

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực bán thành phẩm	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>3.971.944.558</u>	<u>-</u>	<u>16.203.337.054</u>	<u>15.967.196.693</u>	<u>36.142.478.305</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>89.297.418</u>	<u>-</u>	<u>89.297.418</u>
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	87.383.602.946	737.249.997	96.973.076.515	139.111.419.329	324.205.348.787
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>87.383.602.946</u>	<u>737.249.997</u>	<u>96.973.076.515</u>	<u>139.111.419.329</u>	<u>324.205.348.787</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.262.866.029	(33.694.911)	71.512.363.205	61.724.244.027	136.465.778.350
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(59.360.063.811)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					77.105.714.539
Doanh thu hoạt động tài chính					19.355.088.278
Chi phí tài chính					(12.102.911.339)
Thu nhập khác					1.912.074.070
Chi phí khác					(2.252.018.696)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					1.760.057.143
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(19.872.354.928)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(873.727.734)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<u>65.031.921.333</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>10.244.921.340</u>	<u>86.435.761</u>	<u>11.369.198.653</u>	<u>16.309.530.626</u>	<u>38.010.086.380</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>8.413.050.559</u>	<u>70.980.382</u>	<u>9.336.298.437</u>	<u>13.393.261.032</u>	<u>31.213.590.409</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực bán thành phẩm	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực bán thành phẩm	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	160.464.005.640	160.464.005.640
Tài sản phân bổ cho bộ phận	73.305.611.065	627.712.390	299.046.350.353	294.688.179.395	667.667.853.203
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					143.414.713.917
Tổng tài sản					971.546.662.760
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	43.930.001.100	-	-	-	43.930.001.100
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	40.127.712.999	343.611.659	163.698.875.788	161.313.199.837	365.483.400.283
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.976.051.736
Tổng nợ phải trả					411.389.453.119
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	129.754.186.316	129.754.186.316
Tài sản phân bổ cho bộ phận	200.239.437.877	1.689.407.623	222.213.706.873	318.773.676.864	742.916.229.237
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					90.962.641.845
Tổng tài sản					963.633.057.398
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	116.672.578.832	-	129.476.223.603	185.738.370.711	432.871.532.401
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					4.632.093.335
Tổng nợ phải trả					437.503.625.736

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động***Các hợp đồng cho thuê***

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	68.727.932.074	64.421.047.227
Trên 01 năm đến 05 năm	72.924.188.482	101.225.836.119
Trên 05 năm	44.534.079.441	11.243.533.333
Cộng	186.186.199.997	176.890.416.679

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 70.311.919.133 VND (năm trước là 68.548.093.301 VND).

4. Quản lý rủi ro tài chính***Tổng quan***

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	245.979.015.534	-	-	-	245.979.015.534
Các khoản đầu tư nắm đến ngày đáo hạn	63.106.468.274	-	-	-	63.106.468.274
Phải thu khách hàng	60.839.711.684	-	-	3.032.893.550	63.872.605.234
Các khoản phải thu khác	4.062.849.883	-	-	200.000.000	4.262.849.883
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.495.815.189	-	-	4.669.901.926	15.165.717.115
Cộng	384.483.860.564	-	-	7.902.795.476	392.386.656.040
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	224.312.707.861	-	-	-	224.312.707.861
Các khoản cho vay	65.586.444.468	-	-	4.602.151.563	70.188.596.031
Phải thu khách hàng	24.026.576.745	-	-	-	24.026.576.745
Các khoản phải thu khác	3.621.591.561	-	-	-	3.621.591.561
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.495.875.501	-	-	4.669.841.614	15.165.717.115
Cộng	328.043.196.136	-	-	9.271.993.177	337.315.189.313

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	43.930.001.100	39.111.944.000	7.247.074.352	90.289.019.452
Phải trả người bán	8.733.786.823	2.740.400.000	-	11.474.186.823
Các khoản phải trả khác	109.720.222.563	42.067.523.399	-	151.787.745.962
Cộng	162.384.010.486	83.919.867.399	7.247.074.352	253.550.952.237
Số đầu năm				
Vay và nợ	33.203.194.745	57.595.174.774	5.351.240.991	96.149.610.510
Phải trả người bán	5.603.470.112	2.740.400.000	-	8.343.870.112
Các khoản phải trả khác	27.820.674.195	34.512.919.719	-	62.333.593.914
Cộng	66.627.339.052	94.848.494.493	5.351.240.991	166.827.074.536

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 và ngày 30 tháng 9 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Các công ty trong Tập đoàn nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	JPY	USD	EUR	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.815,20	15.249,00	75.436,00	165.282,31	15.249,00	182.014,00
Phải trả người bán	(130.000,00)	-	-	(254.000,00)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(56.184,80)	15.249,00	75.436,00	(88.717,69)	15.249,00	182.014,00

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản/(nợ phải trả) thuần gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	158.339.819.968	163.037.909.190
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	63.106.468.274	24.026.576.745
Vay và nợ	(90.289.019.452)	(96.149.610.510)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	131.157.268.790	90.914.875.425

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm này của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 2.623.145.376 VND (năm trước tăng/giảm 1.349.173.131 VND).

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ bằng USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ vay thuần bằng USD có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tập đoàn thế chấp số dư tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng này. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 là 6.386.468.274 VND (số đầu năm là 5.806.576.745 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 và tại ngày 30 tháng 9 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	245.979.015.534	-	224.312.707.861	-	245.979.015.534	224.312.707.861
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	63.106.468.274	-	24.026.576.745	-	63.106.468.274	24.026.576.745
Phải thu khách hàng	63.872.605.234	(2.675.973.074)	70.188.596.031	(2.786.675.656)	61.196.632.160	67.401.920.375
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	4.262.849.883	(200.000.000)	3.621.591.561	-	4.062.849.883	337.315.189.313
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.165.717.115	(1.542.979.126)	15.165.717.115	(1.542.983.326)	13.622.737.989	13.622.733.789
Cộng	392.386.656.040	(4.418.952.200)	337.315.189.313	(4.329.658.982)	387.967.703.840	332.985.530.331

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	90.289.019.452	96.149.610.510	90.289.019.452	33.203.194.745
Phải trả người bán	11.474.186.823	8.343.870.112	11.474.186.823	5.603.470.112
Các khoản phải trả khác	151.787.745.962	62.333.593.914	151.787.745.962	62.333.593.914
Cộng	253.550.952.237	166.827.074.536	253.550.952.237	101.140.258.771

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

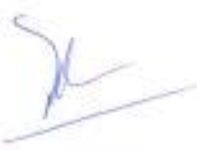
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2014




Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng


Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	68.587.814.626	17.639.621.393	17.949.535.497	1.327.764.012	2.833.488.006	94.058.804.527	202.397.028.061
Tăng trong năm	16.952.727	-	553.618.810	-	-	7.625.887.558	8.196.459.095
Mua sắm mới	-	-	2.322.936.364	-	-	-	2.322.936.364
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	16.952.727	-	-	-	-	5.855.570.004	5.872.522.731
Phân loại lại	-	-	(1.770.317.554)	-	-	1.770.317.554	-
Giảm trong năm	(33.741.239.184)	(17.322.850.040)	(3.909.775.240)	(89.044.200)	-	(784.836.363)	(55.847.745.027)
Thanh lý, nhượng bán	(18.917.498.478)	(17.322.850.040)	(3.909.775.240)	-	-	-	(40.150.123.758)
Thoát vốn tại công ty con	(348.103.700)	-	-	(89.044.200)	-	-	(437.147.900)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-	(784.836.363)	(784.836.363)
Giảm khác	(14.475.637.006)	-	-	-	-	-	(14.475.637.006)
Số cuối năm	34.863.528.169	316.771.353	14.593.379.067	1.238.719.812	2.833.488.006	100.899.855.722	154.745.742.129
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.497.245.647	46.821.045	4.694.282.860	964.641.432	2.790.942.551	85.210.878.694	106.204.812.229
Giá trị khấu hao							
Số đầu năm	36.070.619.783	5.418.583.192	11.044.173.157	1.138.628.668	2.631.596.043	85.406.567.008	141.710.167.851
Tăng trong năm	4.504.584.489	1.335.056.617	(314.228.075)	98.622.619	183.658.202	11.382.499.207	17.190.193.059
Khấu hao trong năm	1.902.197.458	1.335.056.617	1.456.089.479	98.622.619	183.658.202	9.612.181.653	14.587.806.028
Phân loại lại	2.602.387.031	-	(1.770.317.554)	-	-	1.770.317.554	2.602.387.031
Giảm trong năm	(21.664.712.743)	(6.661.827.046)	(3.291.769.652)	(79.150.400)	-	(186.865.800)	(31.884.325.641)
Thanh lý, nhượng bán	(7.071.328.466)	(6.661.827.046)	(3.291.769.652)	-	-	-	(17.024.925.164)
Thoát vốn tại công ty con	(117.747.271)	-	-	(79.150.400)	-	-	(196.897.671)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-	(186.865.800)	(186.865.800)
Giảm khác	(14.475.637.006)	-	-	-	-	-	(14.475.637.006)
Số cuối năm	18.910.491.529	91.812.763	7.438.175.430	1.158.100.887	2.815.254.245	96.602.200.415	127.016.035.269
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	32.517.194.843	12.221.038.201	6.905.362.340	189.135.344	201.891.963	8.652.237.519	60.686.860.210
Số cuối năm	15.953.036.640	224.958.590	7.155.203.637	80.618.925	18.233.761	4.297.655.307	27.729.706.860
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.004.160.722 VND và 14.199.886.226 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12.

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào BDS đầu tư trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Tại Ban quản lý Khu công nghiệp Tân Bình	6.858.442.014	52.497.925.799	(5.872.522.731)	(43.886.648.928)	-	9.597.196.154
- Công trình Khu công nghiệp Tân Bình	365.199.905	5.102.078.620	(5.467.278.525)	-	-	-
- Công trình Khu công nghiệp mở rộng	-	977.413.499	(388.291.479)	-	-	589.122.020
- Công trình xử lý nước thải	-	16.952.727	(16.952.727)	-	-	-
- Công trình kho xưởng	3.833.102.228	46.104.411.888	-	(43.616.672.635)	-	6.320.841.481
- Công trình nhà ở cho người lao động	2.660.139.881	27.092.772	-	-	-	2.687.232.653
- Văn phòng Lê Trọng Tấn	-	269.976.293	-	(269.976.293)	-	-
Tại Văn phòng Công ty	8.465.869.271	-	-	-	(8.465.869.271)	-
- Trung tâm thương mại chợ Tân Bình	651.559.016	-	-	-	(651.559.016)	-
- Trung tâm thương mại Ngã tư Ga	1.775.201.078	-	-	-	(1.775.201.078)	-
- Tanhotel (261 Hoàng Văn Thụ)	6.028.297.996	-	-	-	(6.028.297.996)	-
- Khác	10.811.181	-	-	-	(10.811.181)	-
Tại Ban quản lý hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	25.119.000	-	-	-	-	25.119.000
Khác	-	28.426.619	-	-	-	28.426.619
Cộng	15.349.430.285	52.526.352.418	(5.872.522.731)	(43.886.648.928)	(8.465.869.271)	9.650.741.773



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	240.000.000.000	90.352.860.000	(12.901.547.446)	88.819.522.771	18.194.551.806	98.427.738.287	522.893.125.418
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	65.031.921.333	65.031.921.333
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(23.369.136.000)	(23.369.136.000)
Tạm ứng cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(23.098.374.000)	(23.098.374.000)
Mua lại cổ phiếu trong năm	-	-	(3.114.565.000)	-	-	-	(3.114.565.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	8.102.054.827	4.043.262.110	(23.396.204.664)	(11.250.887.727)
Giảm khác	-	-	-	(689.449.312)	-	(473.203.050)	(1.162.652.362)
Số dư cuối năm trước	240.000.000.000	90.352.860.000	(16.016.112.446)	96.232.128.286	22.237.813.916	93.122.741.906	525.929.431.662
Số dư đầu năm nay	240.000.000.000	90.352.860.000	(16.016.112.446)	96.232.128.286	22.237.813.916	93.122.741.906	525.929.431.662
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	72.301.188.835	72.301.188.835
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(23.215.786.000)	(23.215.786.000)
Tạm ứng cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(23.868.166.000)	(23.868.166.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	3.166.647.614	3.166.647.614	(15.206.287.701)	(8.872.992.473)
Tăng do bán cổ phiếu quỹ	-	2.595.847.864	-	-	-	-	2.595.847.864
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	16.016.112.446	-	-	-	16.016.112.446
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	(104.638.879)	(18.010.121)	-	(122.649.000)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	(8.149.598)	8.149.598	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(805.777.693)	(805.777.693)
Số dư cuối năm nay	240.000.000.000	92.948.707.864	-	99.294.137.021	25.378.301.811	102.336.062.945	559.957.209.641

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2014

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc